

Số: **4381**/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **04** tháng **9** năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của UBND Thành phố ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 166/TTr-SNN ngày 10/8/2015 và ý kiến của Sở Tư pháp tại văn bản số 2289/STP-KSTTHC ngày 7/8/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính ban hành mới; 02 thủ tục hành chính sửa đổi và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội (có phụ lục kèm theo).

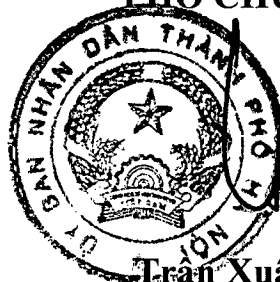
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- VPUBTP: Các PCVP, NC, VX, TH, HCTC;
- Trung tâm Tin học Công báo TP;
- Công giao tiếp Điện tử Hà Nội;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Xuân Việt**


24243 (425)

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~4381~~ /QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2015*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ,**  
**BAN HÀNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG**  
**NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ.**

STT	Tên thủ tục hành chính bị sửa đổi	Tên thủ tục hành chính đã sửa đổi, bổ sung, thay thế	VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản ( <i>áp dụng cho cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm cây công nghiệp, sản phẩm cây lương thực, các loại cây lâm sản dùng làm thực phẩm, muối ăn, mật ong và các sản phẩm từ mật ong, sữa tươi nguyên liệu, các sản phẩm từ yến, cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản có từ 2 nhóm sản phẩm nông lâm thủy sản trở lên do hai cơ quan kiểm tra giám sát thuộc Thành phố cấp đăng ký kinh doanh</i> ).	Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (cấp mới/cấp lại khi sắp hết hạn)	Quyết định số 471/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố Hà Nội
2	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm sản phẩm động vật (cấp Thành phố quản lý)		
3	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả		
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến chè		
5	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm rau, quả và chè tươi (cấp Thành phố quản lý).		
6	Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản (cấp Thành phố quản lý)		
7	Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nông		

	lâm thủy sản (cấp quận, huyện, thị xã quản lý)		
8	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (cấp xã, phường, thị trấn quản lý).		
9	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả		
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm sản phẩm động vật với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn (cấp Thành phố quản lý)		
11	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm rau, quả và chè tươi (cấp Thành phố quản lý).		
12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn (cấp Thành phố quản lý).		
13	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến chè		
14	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn (cấp quận, huyện, thị xã quản lý)		
15	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn (cấp xã, phường, thị trấn quản lý)		
16	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (cấp Thành phố quản lý)	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất,	Quyết định số 471/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
17	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên chứng nhận an toàn thực phẩm (cấp quận, huyện, thị xã quản lý)	Giấy chứng nhận bị mất,	Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của 

18	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên chứng nhận an toàn thực phẩm (cấp xã, phường, thị trấn quản lý)	hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm	UBND Thành phố Hà Nội
----	---	--	-----------------------

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định thủ tục hành chính
1	Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Quyết định 4780/QĐ-BNN-QLCL ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

## III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Cấp mới/cấp lại chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể vật thể bảo quản nội địa	Quyết định số 1122/QĐ-BNN-BVTV ngày 07/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

## IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Sau khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
1	Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (cấp mới/cấp lại khi sắp hết hạn).	Nông nghiệp	Theo Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội	4
2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm		12	
3	Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.		16	

## Phần II

### NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Tên thủ tục: Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản (cấp mới/cấp lại khi sắp hết hạn).**

a. Trình tự thực hiện:

a.1. Bước 1:

Trường hợp cấp mới: Cơ sở nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm;

Trường hợp cấp lại: trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn, cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm tới cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

(Cơ quan có thẩm quyền được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố), cụ thể như sau:

\* Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư cấp và cơ sở do Bộ Nông nghiệp và PTNT phân cấp đóng trên địa bàn Thành phố.

- Chi cục Bảo vệ thực vật kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt).

- Chi Cục Thú y kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Chăn nuôi, Giết mổ, sơ chế, cơ sở kinh doanh, lưu thông, tiêu thụ.

- Chi cục Thủy sản kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Nuôi trồng thủy sản.

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản - thủy sản kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

+ Sản phẩm trồng trọt: Sơ chế chế biến độc lập, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)

+ Sản phẩm chăn nuôi: Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối).

+ Sản phẩm thủy sản: Sơ chế, chế biến, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).

+ Sản phẩm muối ăn: Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước.

+ Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản): Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn với cơ sở sản

*Ynh*

xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu, nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.

\* Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp:

- Phòng kinh tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, muối ăn, sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Cơ sở sản xuất, giết mổ, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản.

- UBND cấp xã, phường, thị trấn kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, muối ăn, thực phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Lưu thông, kinh doanh, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập, cơ sở kinh doanh).

a.2. Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu không hợp lệ.

a.3. Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm tra hồ sơ kiểm tra, phân loại cơ sở do đơn vị đã thực hiện hoặc tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở (nếu cần hoặc trong trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra phân loại).

a.4. Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc không cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm trong đó phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

Gửi văn bản trực tiếp tại bộ phận một cửa cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm; Fax, E-mail, mạng điện tử; Qua đường bưu điện.

c. Hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại; bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT;

d) Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh);

đ) Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Cơ quan thực hiện TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố (đã nêu tại điểm a.1, mục a trình tự thực hiện),

f. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ sở sản xuất kinh doanh.

g. Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục VI; Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

h. Phí, lệ phí:

*h1. Phí:*

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000đ/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm nông lâm sản và thủy sản (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ: 1.000.000 đ/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu ≤ 100 triệu đồng/tháng: 2.000.000 đ/lần/cơ sở.

+ Cơ sở sản xuất thực phẩm doanh thu > 100 triệu đồng/tháng: 3.000.000 đ/lần/cơ sở.

- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính):

+ Cửa hàng bán lẻ thực phẩm: 500.000 đ/lần/cơ sở

+ Đại lý, cửa hàng bán buôn thực phẩm: 1.000.000 đ/lần/cơ sở

## H.2. Lệ phí

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2012 của Bộ Tài chính).

### i. Kết quả thực hiện TTHC.

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm.

### k. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

#### l. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Quyết định 471/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/2/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố về việc phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.



**PHỤ LỤC VI**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
4. Điện thoại..... Fax.....  
Email.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập: .....
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:  
Đề nghị ..... (tên cơ quan kiểm tra) ..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ  
điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.  
Lý do cấp lại:.....

*Đại diện cơ sở*  
*(Ký tên, đóng dấu)*



**Hồ sơ gửi kèm:**

-  
-  
-

## PHỤ LỤC VII

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

### BẢN THUYẾT MINH Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở

#### I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ: .....
4. Điện thoại:..... Fax: ..... Email: .....
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước	<input type="checkbox"/>	DN 100% vốn nước ngoài	<input type="checkbox"/>
DN liên doanh với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	DN cổ phần	<input type="checkbox"/>
DN tư nhân	<input type="checkbox"/>	Khác	<input type="checkbox"/>
		(ghi rõ loại hình)	

6. Năm bắt đầu hoạt động: .....
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh: .....
8. Công suất thiết kế: .....
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): .....
10. Thị trường tiêu thụ chính: .....

#### II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

*KS*  
9

--	--	--	--	--

### III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

#### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh ..... m<sup>2</sup>, trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : ..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : ..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : ..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: ..... m<sup>2</sup>
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : ..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

#### 2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

#### 3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng	<input type="checkbox"/>	Nước giếng khoan	<input type="checkbox"/>
Hệ thống xử lý: Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>

Phương pháp xử lý: .....

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất  Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã: .....

#### 4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

#### 5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: ..... người, trong đó:
- + Lao động trực tiếp: ..... người.
- + Lao động gián tiếp: ..... người.
- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:
- Tập huấn kiến thức về ATTP:

#### 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:
- Nhân công làm vệ sinh: ..... người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

*Handwritten signature*

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở  Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:.....

.....

- Thuê ngoài  Tên những PKN gửi phân tích:.....

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

*KB*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

**2. Tên thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên chứng nhận an toàn thực phẩm.**

a. Trình tự thực hiện

a.1. Bước 1: Cơ sở nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

(Cơ quan có thẩm quyền được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố), cụ thể như sau:

\* Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư cấp và cơ sở do Bộ Nông nghiệp và PTNT phân cấp đóng trên địa bàn Thành phố.

- Chi cục Bảo vệ thực vật kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt).

- Chi Cục Thú y kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Chăn nuôi, Giết mổ, sơ chế, cơ sở kinh doanh, lưu thông, tiêu thụ.

- Chi cục Thủy sản kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Nuôi trồng thủy sản.

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản - thủy sản kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

+ Sản phẩm trồng trọt: Sơ chế chế biến độc lập, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)

+ Sản phẩm chăn nuôi: Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối).

+ Sản phẩm thủy sản: Sơ chế, chế biến, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).

+ Sản phẩm muối ăn: Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước.

+ Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản): Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu, nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.

\* Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp:

- Phòng kinh tế kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: Chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn

nuôi, thủy sản, muối ăn, sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Cơ sở sản xuất, giết mổ, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản.

- UBND cấp xã, phường, thị trấn kiểm tra và cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm: chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, muối ăn, thực phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: lưu thông, kinh doanh, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập, cơ sở kinh doanh).

a.2. Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiến hành kiểm tra hồ sơ và xem xét cấp hoặc không cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm (trường hợp không cấp phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do).

b. Cách thức thực hiện

Trực tiếp; Fax, E-mail, mạng điện tử; Qua đường bưu điện.

c. Hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

e. Cơ quan thực hiện TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố (đã nêu tại điểm a.1, mục a trình tự thực hiện),

f. Đối tượng thực hiện TTHC: Các cơ sở sản xuất kinh doanh

g. Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

h. Phí, lệ phí:

*h.1. Phí:*

- Phí thẩm xét hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản đủ điều kiện ATTP: 500.000đ/lần/cơ sở (biểu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

*h.2. Lệ phí*

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản: 150.000 đồng/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính).

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn để sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản: 40.000 đồng/lần cấp (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/06/2012 của Bộ Tài chính).

i. Kết quả thực hiện TTHC.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thời hạn hiệu lực của kết quả: Trùng với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cũ.

k. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

l. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Quyết định 471/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/2/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/06/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thủy sản.

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố về việc phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.



**PHỤ LỤC VI**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (Tên cơ quan kiểm tra)

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
2. Mã số (nếu có): .....
3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....
4. Điện thoại..... Fax.....  
Email.....
5. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập: .....
6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:  
Đề nghị ..... (tên cơ quan kiểm tra) ..... cấp/ cấp lại Giấy chứng nhận đủ  
điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.  
Lý do cấp lại:.....

**Đại diện cơ sở**  
(Ký tên, đóng dấu)



Hồ sơ gửi kèm:

- 
- 
-



### 3. Tên thủ tục: **Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.**

#### a. Trình tự thực hiện:

a.1. Bước 1: Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có trách nhiệm gửi một bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đến Bộ phận một cửa Cơ quan được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố, cụ thể như sau:

\* Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư cấp và cơ sở do Bộ Nông nghiệp và PTNT phân cấp đóng trên địa bàn Thành phố.

- Chi cục Bảo vệ thực vật xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sản phẩm có nguồn gốc thực vật: Trồng trọt (kể cả hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở trồng trọt).

- Chi Cục Thú y xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sản phẩm có nguồn gốc động vật: Chăn nuôi, Giết mổ, sơ chế, cơ sở kinh doanh, lưu thông, tiêu thụ.

- Chi cục Thủy sản xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm sản phẩm có nguồn gốc thủy sản: Nuôi trồng thủy sản.

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản - thủy sản xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

+ Sản phẩm trồng trọt: Sơ chế chế biến độc lập, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập)

+ Sản phẩm chăn nuôi: Chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối).

+ Sản phẩm thủy sản: Sơ chế, chế biến, lưu thông, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập).

+ Sản phẩm muối ăn: Sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ trong nước.

+ Sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản): Sơ chế, chế biến, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản, cơ sở sản xuất vật liệu bao gói gắn với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản, lưu thông, tiêu thụ, xuất nhập khẩu, nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản.

\* Cơ sở có giấy đăng ký kinh doanh do quận, huyện, thị xã cấp:

- Phòng kinh tế xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: Chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, muối ăn, sản phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm: Cơ sở sản xuất, giết mổ, sơ chế, chế biến, bao gói, tiêu thụ, kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản.

- UBND cấp xã, phường, thị trấn xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm: chuỗi thực phẩm Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, muối ăn, thực phẩm hỗn hợp, phối chế (thực vật, động vật, thủy sản); bao gồm:

lưu thông, kinh doanh, tiêu thụ (chợ đầu mối, chợ đấu giá, cơ sở chuyên doanh, phương tiện vận chuyển độc lập, cơ sở kinh doanh).

a.2. Bước 2: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền lập kế hoạch để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và gửi thông báo thời gian tiến hành xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức, cá nhân.

a.3. Bước 3. Kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm bằng bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm theo lĩnh vực quản lý.

a.4. Bước 4. Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

b. Cách thức thực hiện: Qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

c. Hồ sơ:

c.1. Đối với tổ chức:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

- Bản danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã (có dấu xác nhận của tổ chức);

c.2. Đối với cá nhân:

- Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

- Bản sao giấy chứng minh thư nhân dân;

c.3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:

e. Cơ quan thực hiện TTHC:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan được phân công theo Quyết định 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố (đã nêu tại điểm a.1, mục a trình tự thực hiện),

f. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

g. Mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a; Danh sách các đối tượng đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b, quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;

h. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30.000 đ/người/lần cấp (biểu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính)

i. Kết quả thực hiện TTHC

Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Thời hạn hiệu lực của kết quả: 03 năm kể từ ngày cấp.

k. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

l. Căn cứ pháp lý của TTHC.

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Quyết định 4780/QĐ-BNN-QLCL ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính, Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố về việc phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

**Mẫu số 01a - Quy định tại Phụ lục 4**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ VÀ DANH SÁCH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm**

Kính gửi: ..... (cơ quan có thẩm quyền xác nhận kiến thức về ATTP)

Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân .....

Giấy CNĐKDN/VPĐD (hoặc CMTND đối với cá nhân) số .....  
cấp ngày ..... tháng ..... năm ....., nơi cấp .....

Địa chỉ: ....., Số điện thoại .....

Số Fax ..... E-mail .....

Sau khi nghiên cứu tài liệu quy định kiến thức về an toàn thực phẩm do .....  
(\* ban hành, chúng tôi / Tôi đã hiểu rõ các quy định và nội dung của tài liệu. Nay đề nghị quý cơ  
quan tổ chức đánh giá, xác nhận kiến thức cho chúng tôi/Tôi theo nội dung của tài liệu của  
..... (\*) ban hành.

(danh sách gửi kèm theo Mẫu đơn này).

*Địa danh, ngày ..... tháng ... năm .....*

**Đại diện Tổ chức/cá nhân**  
*(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

*Ghi chú:* \* chọn 1 trong 3 cơ quan: Bộ Y tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Công Thương.



**Mẫu số 01b - Danh sách đối tượng tham gia xác nhận kiến thức**

(kèm theo Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của ..... (tên tổ chức)

TT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số CMTND	Ngày, tháng, năm cấp	Nơi cấp

Địa danh, ngày ..... tháng ... năm.....

**Đại diện Tổ chức xác nhận**

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

